**Bài 2: CÁC CẤP TỔ CHỨC CỦA THẾ GIỚI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được khái niệm giới.

- Trình bày được hệ thống phân loại 5 giới.

- Liệt kê được các đặc điểm cơ bản của 5 giới sinh vật.

- Phân biệt được các giới sinh vật.

**2. Kĩ năng**

* So sánh.
* Đọc và tóm tắt được các nội dung trong sách giáo khoa.

**3. Thái độ**

- Yêu thích môn học.

- Củng cố niềm tin vào khoa học hiện đại.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

|  |
| --- |
| **Năng lực chung** |
| **Nhóm năng lực** | **Năng lực thành phần** |
| **Tự học** | * Lên kế hoạch tự học phù hợp, ôn tập cho tiết sau.
* Tìm hiểu thêm về lịch sử phân loại các giới sinh vật.
* Tìm hiểu thêm về cách phân giới mới.
 |
| **Phát hiện và giải quyết vấn đề** | * Phân biệt được sự khác biệt cơ bản của các giới sinh vật.
* Nhận thấy mối quan hệ họ hàng ở 1 số loài sinh vật.
 |
| **Tư duy** | * Tư duy giải thích nguyên nhân vì sao thực vật và nấm là 2 giới riêng.
* Phát hiện mối liên quan giữa các đặc điểm và vai trò của giới thực vật, động vật.
 |
| **Giao tiếp hợp tác** | * Trao đổi, trình bày, tổng hợp kiến thức khi trao đổi bài với bạn, giáo viên.
* Trình bày những thắc mắc, khó khăn xảy ra trong quá trình học tập để được hỗ trợ.
 |
| **Sử dụng CNTT** | * Sử dụng internet để tìm hiểu 1 số kiến thức mở rộng theo yêu cầu của giáo viên và nhu cầu tự học.
 |
| **Năng lực chuyên biệt** |
| * Hình thành năng lực tự học hỏi, nghiên cứu về các giới sinh vật, hệ thống phân loại giới.
* Hình thành suy nghĩ, hành động thế nào để góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.
 |

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

* Giáo án.
* Kiến thức mở rộng về hệ thống 3 lãnh giới, tên Latinh của 1 số loài gần gũi.

 **2. Học sinh**

* Sách giáo khoa.
* Bài 2 đọc trước.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Kiểm tra bài cũ**

- Kể tên theo thứ tự tăng dần các cấp tổ chức của thế giới sống.

- Các cấp nào là cơ bản? Vì sao gọi các cấp đó là cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống?

- Đặc điểm chung của các cấp tổ chức sống là gì? Thế nào là hệ thống mở và tự điều chỉnh?

1. **Hoạt động khởi động kết nối**

Bài 1 đã tìm hiểu về thế giới sống nói chung, hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu sâu hơn, thực tế hơn về các sinh vật trong thế giới sống này.

**3. Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức** |
| **- Hoạt động 1:** tìm hiểu khái niệm giới và hệ thống phân loại 5 giới sinh vật.**- Mục tiêu hoạt động**: học sinh trình bày được khái niệm giới, kể tên 5 giới sinh vật, nêu được 1 vài đại diện của mỗi giới. |
|  - Cho ví dụ phân loại loài người, giải thích, giới là gì?- Hướng dẫn thêm về hệ thống phân loại trong 1 giới, yêu cầu HS cho ví dụ.- Có mấy giới sinh vật? Theo hệ thống phân loại nào?- Kể tên các giới sinh vật theo hệ thống phân loại trên. |  - Giới sinh vật là đơn vị phân loại lớn nhất, bao gồm các ngành sinh vật có chung những đặc điểm nhất định.- Ví dụ là gà thuộc giới động vật, ngành ĐVCXS, lớp chim, bộ gà, họ trĩ, chi gà rừng, loài gà, ….- 5 giới, theo hệ thống của Oaitayko và Margulis.- Động vật, thực vật, nấm, nguyên sinh, khởi sinh. |  **I. Giới và hệ thống phân loại 5 giới****1. Khái niệm**- Giới là đơn vị phân loại lớn nhất, bao gồm các ngành sinh vật có chung những đặc điểm nhất định.- Hệ thống phân loại từ thấp đến cao như sau: Loài à chi à họ à bộ àlớp à ngành à giới.2. Hệ thống phân loại 5 giới- Dựa vào những đặc điểm chung của mỗi nhóm sinh vật, Whittaker và Margulis đưa ra hệ thống phân loại 5 giới:-Giới Khởi sinh (Monera): Tế bào nhân sơ -Giới Nguyên sinh(Protista)-Giới Nấm(Fungi) -Giới Thực vật(Plantae) -Giới Động vật (Animalia)**.** |
| - **Hoạt động 2:** tìm hiểu đặc điểm giới khởi sinh, nguyên sinh và nấm.- **Mục tiêu hoạt động**: tìm hiểu đặc điểm về đại diện, cấu tạo, phân bố… của các sinh vật thuộc giới khởi sinh, nguyên sinh và nấm. |
| - Yêu cầu HS đọc SGK trang 10, 11 tóm tắt nội dung về các giới khởi sinh, nguyên sinh và nấm.- Nhận xét và bổ sung kiến thức. | - Giới khởi sinh đại diện là vi khuẩn, là sinh vật nhân sơ, nhỏ, phân bố rộng và phương thức sống đa dạng: tự dưỡng, hoại sinh,…- Giới nguyên sinh gồm tảo, nấm nhầy và ĐVNS. Mỗi loài có đặc điểm riêng.- Giới nấm gầm nấm men, nấm sợi, địa y, nấm đảm, là những loài hoại sinh, sinh sản bào tử. | II.**Đặc điểm chính của mỗi giới****1. Giới Khởi sinh (Monera)**- Đại diện: vi khuẩn- Đặc điểm: nhân sơ, bé nhỏ (1-5 mm)- Phân bố: vi khuẩn phân bố rộng rãi.- Phương thức sinh sống: hoại sinh, tự dưỡng, kí sinh…**2. Giới Nguyên sinh (Protista)**- Đại diện: tảo, nấm nhầy, động vật nguyên sinh.- Tảo: là sinh vật nhân thực, đơn bào hoặc đa bào, có sắc tố quang hợp, quang tự dưỡng, sống trong nước.- Nấm nhầy: là sinh vật nhân thực, dị dưỡng, hoại sinh. Cơ thể tồn tại ở 2 pha: pha đơn bào giống trùng amip, pha hợp bào là khối chất nhầy chứa nhiều nhân.- Động vật nguyên sinh: đa dạng. Là những sinh vật nhân thực, dị dưỡng hoặc tự dưỡng.**3. Giới Nấm (Fungi)**- Đại diện: nấm men, nấm sợi, nấm đảm, địa y.- Đặc điểm chung: nhân thực, cơ thể đơn bào hoặc đa bào, cấu trúc dạng sợi, phần lớn thành tế bào có chứa kitin.- Sinh sản: hữu tính và vô tính nhờ bào tử.- Sống dị dưỡng. |
| - **Hoạt động 3:** tìm hiểu đặc điểm giới thực vật và động vật.- **Mục tiêu hoạt động**: tìm hiểu đặc điểm về đại diện, cấu tạo, vai trò… của các sinh vật thuộc giới thực vật và động vật. |
| - Tổ chức hoạt động nhóm:* 4 tổ = 4 nhóm
* Thời gian: 5p
* Nhiệm vụ: tìm đặc điểm, đại diện và vai trò của 2 giới:
* Tổ 1, 2: giới thực vật.
* Tổ 3, 4: giới động vật
 | - Hoạt động nhóm sau đó trả lời theo hướng dẫn | Bảng kiến thức sau bài. |

**Nội dung hoạt động nhóm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Giới thực vật (Plantae)** | **Giới động vật (Animalia)** |
| **Đại diện** | Rêu, quyết trần, hạt trần, hạt kín. | Thân lỗ, ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt, thân mềm, chân khớp, da gai, ĐV có xương sống. |
| **Đặc điểm** | SV nhân thật, cơ thể đa bào, sống cố định, có khả năng cảm ứng chậm.  | SV nhân thật, cơ thể đa bào, có khả năng di chuyển, khả năng phản ứng nhanh. |
| **Dinh dưỡng** | Tự dưỡng nhờ khả năng quang hợp. | Dị dưỡng |
| **Vai trò** | - Điều hòa khí hậu- Hạn chế xói mòn, lũ lụt, hạn hán, giữ nguồn nước ngầm.- Nguồn thức ăn cho SV dị dưỡng- Nguyên liệu, dược liệu cho con người. | - Góp phần làm cân bằng hệ sinh thái.- Làm thức ăn, nguyên liệu, dược liệu cho con người và động vật. |

**4. Hoạt động luyện tập**

Hướng dẫn HS làm 3 bài tập trắc nghiệm trang 12, 13.

**5. Hoạt động vận dụng tìm tòi, mở rộng**

- Yêu cầu HS đọc phần em có biết trang 13.

- Vì sao nấm không được xếp vào giới thực vật?

- Nguyên nhân làm cho độ đa dạng sinh học ở Việt Nam giảm sút và tăng độ ô nhiễm môi trường.

- Vì sao chúng ta phải bảo vệ rừng?

- Lớp 10 ban KHTN chia thành 2 nhóm lớn, nhận nhiệm vụ riêng của giáo viên giao chuẩn bị cho tiết sau.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

 **NHẬN XÉT CỦA TỔ TRƯỞNG**

*Cà Mau, ngày tháng năm 20*

Ký duyệt của Tổ trưởng

**Hồng Thị Kiều Linh**

 **KÝ DUYỆT**

**ÔN TẬP: ĐẶC ĐIỂM CHI TIẾT VỀ GIỚI THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT**

**(Dành cho lớp nâng cao)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được các đặc điểm chi tiết về giới thực vật.

- Trình bày được các đặc điểm chi tiết về giới động vật.

- Giải thích được nguồn gốc 2 giới này.

**2. Kĩ năng**

* Phân tích.
* So sánh.

**3. Thái độ**

- Yêu thích môn học.

- Quan tâm các loại động thực vật xung quanh.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

|  |
| --- |
| **Năng lực chung** |
| **Nhóm năng lực** | **Năng lực thành phần** |
| **Tự học** | * Tìm hiểu thêm về sự hình thành và tiến hóa của thực vật, động vật.
* Chuẩn bị ôn tập để kiểm tra 15 phút.
 |
| **Phát hiện và giải quyết vấn đề** | * Phân biệt được điểm khác nhau cơ bản của 2 giới.
 |
| **Tư duy** | * Tư duy giải thích nguyên nhân vì sao thực vật có vai trò quan trọng trong cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường.
* Phát hiện mối liên quan bổ trợ và tương tác lẫn nhau của 2 giới.
 |
| **Giao tiếp hợp tác** | * Trao đổi, trình bày, tổng hợp kiến thức theo nhóm
* Trình bày những thắc mắc, khó khăn xảy ra trong quá trình học tập để được hỗ trợ.
 |
| **Sử dụng CNTT** | * Sử dụng internet để tìm hiểu 1 số kiến thức mở rộng theo yêu cầu của giáo viên và nhu cầu tự học.
* Sử dụng phần mềm trình chiếu nội dung kiến thức được GV giao.
 |
| **Năng lực chuyên biệt** |
| * Tìm kiếm, chắc lọc thông tin.
* Hình thành năng lực tự học hỏi, nghiên cứu cây trồng, vật nuôi xung quanh.
* Hình thành suy nghĩ, hành động thế nào để bảo vệ hành tinh xanh trong tình hình ô nhiễm hiện nay.
 |

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

* Giáo án tiết ôn tập.
* Kiến thức mở rộng về thực vật, động vật, thực trạng môi trường.

 **2. Học sinh**

* Sách giáo khoa.
* Bài chuẩn bị về thực vật và động vật giáo viên giao tìm hiểu trước.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra bài cũ**

- Giới là gì? Kể tên các giới theo phân loại của Oaitayko và Margulis.

- Trình bày đặc điểm của giới khởi sinh và giới nguyên sinh.

- Giới nấm có đặc điểm gì? Tại sao không xếp nấm và giới thực vật?

1. **Hoạt động khởi động kết nối**

Trong sinh giới, giới thực vật và động vật gần gũi với con người nhất, trong tiết này, chúng ta sẽ tìm hiểu về đặc điểm của các giới này, thông qua bài trình bày của các nhóm.

**3. Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức** |
| **- Hoạt động 1:** kiểm tra bài chuẩn bị của học sinh.**- Mục tiêu hoạt động**: Cho HS trình bày nội dung tự tìm hiểu theo yêu cầu của GV |
| - Cho HS thuyết trình bày chuẩn bị theo nhóm. (có 4 bài, 2 bài về thực vật, 2 bài về động vật).- Cho các nhóm cùng chủ đề nhận xét chéo nhau. |  - Đại diện nhóm trình bày nội dung đã chuẩn bị, mỗi nhóm có 7 phút.- Nhận xét bài cùng nội dung để tổng hợp kiến thức. | **\* Giới thực vật:**- Giới thực vật có nguồn gốc từ tảo lục nguyên thủy. Có số lượng khoảng 500000 loài, phân bố khắp nơi.- Thực vật là những cơ thể đơn hoặc đa bào, cơ thể gồm nhiều tế bào phân hoá thành các mô, các cơ quan và hệ cơ quan khác nhau. Không có hệ thần kinh và giác quan.- Thực vật có khả năng tạo cho mình [chất dinh dưỡng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BA%A5t_dinh_d%C6%B0%E1%BB%A1ng) từ những [hợp chất vô cơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%A3p_ch%E1%BA%A5t_v%C3%B4_c%C6%A1) đơn giản nhờ quá trình [quang hợp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quang_h%E1%BB%A3p). Như vậy thực vật chủ yếu là các [sinh vật tự dưỡng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Sinh_v%E1%BA%ADt_t%E1%BB%B1_d%C6%B0%E1%BB%A1ng).- Thực vật không có khả năng di chuyển.  [Phản ứng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%A3n_%E1%BB%A9ng&action=edit&redlink=1) rất chậm với sự [kích thích](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=K%C3%ADch_th%C3%ADch&action=edit&redlink=1), và chỉ trong trường hợp có nguồn kích thích kéo dài.- Vai trò với con người: thức ăn, thuốc, trang trí, nguyên liệu, bảo vệ môi trường…**\* Giới động vật:**-  Giới Động vật có nguồn gốc từ tập đoàn đơn bào dạng trùng roi nguyên thuỷ. Giới Động vật đạt mức độ tiến hoá cao nhất trong thế giới sinh vật, phân bố khắp nơi và rất đa dạng về cá thể và loài khoảng 1 triệu loài.- Giới Động vật gồm những sinh vật nhân thực, đa bào, cơ thể gồm nhiều tế bào phân hoá thành các mô, các cơ quan và hệ cơ quan khác nhau. Đặc biệt là động vật có hệ cơ quan vận động và hệ thần kinh. - Động vật không có khả năng quang hợp, chúng sống dị dưỡng nhờ chất hữu cơ sẵn có của các cơ thể khác. - Động vật có hệ cơ, di chuyển tích cực để tìm kiếm thức ăn. Động vật có hệ thần kinh phát triển (nhất là đối với các động vật bậc cao) nên chúng có khả năng phản ứng nhanh, điều chỉnh hoạt động của cơ thể, thích ứng cao với biến đổi của môi trường sống.- Vai trò với con người: làm thức ăn, thuốc, trang trí, phương tiện di chuyển, vận chuyển, giữ nhà, nghiệp vụ hình sự… |
| **- Hoạt động 2:** một số câu hỏi mở rộng- **Mục tiêu hoạt động**: bổ sung thêm kiến thức về thực vật, động vật. |
| Cho HS dựa vào kiến thức đã tìm hiểu trả lời các câu hỏi sau:Câu 1: Trình bày những đặc điểm khác nhau giữa các ngành: tảo, rêu, quyết, hạt trần và hạt kín. Câu 2: Phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống. | Làm việc nhóm trả lời câu hỏi của GV. | Câu 1:Trình bày sau bảng này.Câu 2:Trình bày sau bảng này. |

**Nội dung trả lời câu hỏi 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên ngành** | **Đặc điểm chung** |
| Tảo | - Cơ thể gồm một hoặc nhiều tế bào.- Cấu tạo rất đơn giản.- Có chất diệp lục.- Hầu hết sống ở nước.- Đại diện: tảo lục, tảo đỏ, tảo nâu, tảo xoắn, rong mơ, tảo bẹ, rau câu,… |
| Rêu | - Đã có thân, lá.- Cấu tạo đơn giản: thân không phân nhánh, chưa có mạch dẫn, chưa có rễ chính thức, chưa có hoa.- Sinh sản bằng bào tử.- Chỉ sống được ở nơi ẩm ướt. |
| Quyết | - Đã có thân, rễ, lá thật và có mạch dẫn.- Sinh sản bằng bào tử.- Đại diện: dương xỉ, lông cu li, rau bợ, rau choại, ráng,… |
| Hạt trần | - Thân gỗ, có mạch dẫn.- Sinh sản bằng hạt nằm lộ trên các lá noãn hở.- Chưa có hoa và quả.- Đại diện: vân sam, thông, tuế, bạch quả,… |
| Hạt kín | - Cơ quan sinh dưỡng phát triển đa dạng, trong thân có mạch dẫn hoàn thiện.- Có hoa, quả. Hạt nằm trong quả.- Môi trường sống đa dạng. Đây là ngành thực vật tiến hóa hơn cả.- Đại diện: dừa, tràm,… |

 **Nội dung trả lời câu 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Động vật không xương sống** | **Động vật có xương sống** |
| – Không có bộ xương trong. Bộ xương ngoài (nếu có) bằng kitin. | – Bộ xương trong bằng sụn hoặc bằng xương với dây sống hoặc cột sống làm trụ. |
| – Hô hấp thẩm thấu qua da hoặc bằng ống khí. | – Hô hấp bằng mang hoặc bằng phổi. |
| – Thần kinh dạng hạch hoặc chuỗi hạch ở bụng. (Thân lỗ, Ruột khoang, Giun dẹp, Giun tròn, Thân mềm, Giun đốt, Chân khớp, Da gai). | – Hệ thần kinh dạng ống ở mặt lưng, (nửa dây sống, Cá miệng tròn, Cá sụn, Cá xương, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). |

**4. Hoạt động luyện tập**

So sánh thực vật và động vật.

**5. Hoạt động vận dụng tìm tòi, mở rộng**

Tự bản thân lập kế hoạch và thực hiện trồng và chăm sóc 1 và cây xanh nào đó ở vườn nhà hay góc học tập của mình.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

 **NHẬN XÉT CỦA TỔ TRƯỞNG**

*Cà Mau, ngày tháng năm 20*

Ký duyệt của Tổ trưởng

**Hồng Thị Kiều Linh**

 **KÝ DUYỆT**